

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

Bản án số: 30/2023/HNGĐ-ST

Ngày 26- 4- 2023

V/v Ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Chơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Quyền

Ông Danh Hoàng Duyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Tiên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:

Thuộc trường hợp Viện kiểm sát không tham gia.

Ngày 26 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 28/2023/HNGĐST ngày 17 tháng 3 năm 2023 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Dương Thị Ánh H, sinh ngày 28/10/1973

Địa chỉ: Số 60/5 NVK, phường VT, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Ông Bùi Văn T, sinh ngày 09/6/1964

Đại chỉ: Số 60/5 NVK, phường VT, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở hiện nay: 8067 KENOVA ST SAN DIEGO, CA 92126, USA.

(Bà H và ông T đều có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 09/3/2023 bà Dương Thị Ánh H trình bày yêu cầu khởi kiện như sau:

Bà và ông Bùi Văn T quen biết nhau từ năm 2012, quá trình tìm hiểu ông bà nảy sinh tình cảm và tiến đến hôn nhân. Tháng 11/2012 bà và ông T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Thanh, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang. Sau đăng ký kết hôn, vợ chồng chung sống tại Việt Nam được một thời gian thì ông T sang định cư tại Mỹ. Quá trình chung sống vợ chồng không hợp nhau nên đã ly thân

từ tháng 9/2015 đến nay. Nhận thấy tình nghĩa vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục xây dựng gia đình hạnh phúc nên bà yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang giải quyết cho ly hôn với ông T.

Về con chung: Có 01 người con chung là Bùi Dương KA, sinh ngày 11/01/2013, hiện đang sống với bà H, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu ông T cấp dưỡng.

Về tài sản và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Bùi Văn T có ý kiến: Về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản và nợ đúng như bà H trình bày. Với yêu cầu của bà H, ông yêu cầu tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang giải quyết chấp nhận theo yêu cầu khởi kiện của bà H, giải quyết vắng mặt ông vì ông đi làm ăn xa không về tham dự được.

Ý kiến của cháu Bùi Dương KA: Khi cha mẹ cháu ly hôn, cháu có nguyện vọng sống cùng mẹ bà Dương Thị Ánh H, lý do từ khi sinh ra và lớn lên ở Việt Nam, vì vậy không muốn thay đổi môi trường sống.

Tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: 01 Giấy chứng nhận kết hôn của bà Dương Thị Ánh H và ông Bùi Văn T (bản chính); 01 căn cước công dân của bà Dương Thị Ánh H (bản sao); 01 Bản tự khai của bà Dương Thị Ánh H (bản chính); 01 tờ cam kết địa chỉ người bị kiện (bản chính); 01 Giấy khai sinh của Bùi Dương KA (bản sao); 01 passpost của Bùi Văn T (bản sao); 01 Giấy ủy quyền của Bùi Văn T; 01 đơn xin giải quyết vắng mặt; 01 văn bản đồng ý ly hôn (tất cả là bản chính được chứng thực); 01 ID của ông Bùi Văn T (bản sao); 01 căn cước công dân của Bùi Minh Phụng (bản sao); 01 phiếu khai báo tạm trú cho người nước ngoài của Bùi Văn T (bản chính); bản tự khai của cháu Bùi Dương KA.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Dương Thị Ánh H và ông Bùi Văn T đều có đơn xin vắng mặt. Căn cứ Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất xử vắng mặt ông T và bà H.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Thị Ánh H và ông Bùi Văn T đã thực hiện đầy đủ các điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9, Điều 11 và Điều 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 nên xác định hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Về nguyên nhân ly hôn ông bà đều cho rằng sau khi kết hôn ông bà chung sống hạnh phúc thời gian đầu nhưng sau đó ông T sang Mỹ định cư, vợ chồng bắt

đồng quan điểm sống, do khoảng cách về địa lý nên vợ chồng ít gặp nhau, không có thời gian để vun đắp tình cảm hai bên đã sống ly thân từ tháng 9/2015 đến nay.

Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa ông Bùi Văn T và bà Dương Thị Ánh H hai bên đã không còn yêu thương, quan T, chăm sóc, chia sẻ giúp đỡ lẫn nhau để xây dựng gia đình hạnh phúc. Ông T và bà H đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Hiện tại bà H xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông T. Hội đồng xét xử xét thấy đời sống chung vợ chồng của ông bà không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó qua thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Dương Thị Ánh H đối với Bùi Văn T.

Về con chung: Có 01 người con chung là Bùi Dương KA, sinh ngày 11/01/2013, hiện đang sống cùng bà H, nguyện vọng của cháu yêu cầu được tiếp tục sống cùng mẹ. Hội đồng xét xử (HĐXX) thấy, với yêu cầu của chị H được trực tiếp nuôi con chung theo nguyện vọng của cháu và ý kiến của ông T cũng đồng ý nên căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 HĐXX ghi nhận, giao cháu KA cho chị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục theo nguyện vọng của cháu.

Ông T không trực tiếp nuôi con chung, có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Khi cần thiết, ông bà đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con.

Về cấp dưỡng, bà H không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Dương Thị Ánh H phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 147, Điều 153, Điều 228, Điều 238, điểm d khoản 1 Điều 469, điểm a khoản 5 Điều 477, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 56, 81, 82, 83, 84 và 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Thị Ánh H được ly hôn với ông Bùi Văn T.
2. Về con chung: Giao cháu Bùi Dương KA, sinh ngày 11/01/2013 cho bà Dương Thị Ánh H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục theo nguyện vọng của cháu.

Ông Bùi Văn T không trực tiếp nuôi con chung, có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Khi cần thiết, ông bà đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con.

Về cấp dưỡng, bà H không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

3. Án phí sơ thẩm: Bà Dương Thị Ánh H phải chịu án phí sơ thẩm 300.000đ, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008400 ngày 23/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

4. Quyền kháng cáo: Bà H và ông T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được Tòa án niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và điều 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Cục THADS tỉnh Kiên Giang;
- UBND phường Vĩnh Thanh, TP. Rạch Giá;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Chơn

